

PHỤ LỤC II
HƯỚNG DẪN GÓP Ý SÂU MỘT SỐ ĐIỀU CỦA DỰ THẢO BỘ LUẬT DÂN SỰ SỬA ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN
PHỤ NỮ, GIA ĐÌNH, TRẺ EM, BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 23 /KH-ĐCT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của
Đoàn Chủ tịch TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam)*

Các vấn đề	Dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)	Hướng dẫn góp ý sâu
Về nguyên tắc bình đẳng	<p>Điều 3. Nguyên tắc bình đẳng <u>Trong quan hệ dân sự, các cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để đối xử không bình đẳng với nhau; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản, không chịu sự can thiệp trái pháp luật của cá nhân, pháp nhân khác, trong việc thực hiện quyền, khôi phục quyền khi bị vi phạm và bảo vệ quyền theo các phương thức được Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định.</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định như dự thảo đã đảm bảo lòng ghép bình đẳng giới chưa? - Có cần thiết bổ sung nội dung: “bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thiết lập, thực hiện và kết thúc quan hệ dân sự không? Vì bình đẳng là chưa bao hàm bình đẳng giới.
Về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình	<p>Điều 42. Quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình 1. Quyền kết hôn, ly hôn và các quyền nhân thân khác của cá nhân trong quan hệ hôn nhân, quan hệ cha mẹ và con và quan hệ giữa các thành viên gia đình được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm. 2. Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật này và luật khác có liên quan. 3. Trường hợp hai cá nhân không vi phạm điều cấm trong Luật hôn nhân và gia đình có thỏa thuận về việc chung sống với nhau như vợ chồng thì quyền, nghĩa vụ của họ được xác định theo thỏa thuận.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định như khoản 3 Điều 42 dự thảo đã đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em chưa (trong dự thảo mới chỉ đề cập đến việc hai cá nhân sống chung mà chưa dự liệu những trường hợp hai cá nhân sống chung và có con chung/con riêng thì quyền lợi của đứa trẻ sẽ được quy định như thế nào?) - Có nên bổ sung quy định “Trường hợp họ có con chung thì quyền, nghĩa vụ của họ được xác định theo theo luật hôn nhân gia đình” không? - Quy định như dự thảo có tương thích với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không? Luật HNGĐ năm 2014 quy định “<i>Chung sống như vợ chồng</i> là việc <u>nam, nữ</u> tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng”; Việc giải quyết quan hệ tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn ”<i>phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con; công việc</i>

		<p><i>nội trợ và công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi như lao động có thu nhập”</i></p> <p>- Việc quy định điều khoản này vào Bộ luật dân sự có thể dễ dẫn đến tình trạng cố sùỵ cho việc sống chung mà không kết hôn ảnh hưởng đến văn hóa, đạo đức lối sống và thuần phong mỹ tục của Việt Nam hay không?</p>
Về di chúc chung của vợ chồng	<p>Điều 664. Di chúc chung của vợ, chồng Vợ, chồng có thể lập di chúc chung để định đoạt tài sản chung.</p>	<p>Có cần thiết phải quy định di chúc chung của vợ chồng trong Bộ luật dân sự không? Nếu quy định như thế này thì có ảnh hưởng gì hay không?</p>
	<p>Điều 665. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung của vợ, chồng Vợ, chồng có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung bất cứ lúc nào. <u>Nếu người kia không đồng ý thì mỗi người có quyền lập di chúc liên quan đến phần tài sản của mình.</u> Nếu một người đã chết thì người kia chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình.</p>	<p>Quy định như dự thảo đã hợp lý chưa? có đảm bảo tính khả thi trong thực tế không? - Theo quy định “ <i>vợ chồng có thể sửa đổi di chúc bất cứ lúc nào. Nếu bên kia không đồng ý thì người kia có quyền lập di chúc liên quan đến phần tài sản của mình</i>”. Khi quy định di chúc chung nhằm đảm bảo quyền định đoạt của vợ chồng đối với tài sản chung, ở khía cạnh nào đó cũng là bảo vệ quyền cho người vợ - người không đứng tên trong GCN quyền sở hữu, QSDD. Tuy nhiên, trong thực tế tài sản phần nhiều đang đứng tên người chồng, nếu có mâu thuẫn trong cuộc sống chung vợ chồng không thống nhất được mà phải sửa đổi thậm chí huỷ bỏ di chúc chung thì mỗi người có quyền lập di chúc liên quan đến tài sản của mình thì người phụ nữ có cơ hội và điều kiện thực hiện quyền này hay không vì họ không đứng tên trong GCN quyền sở hữu, hay chứng minh được đó là tài sản chung thì rất khó khăn. Trường hợp nếu 1 bên chết thì bên còn lại có quyền sửa đổi bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình thì cũng không hợp lý vì lúc đó thực chất không tồn tại di chúc chung nữa vì : 1 phần di chúc liên quan di sản của người chết trong tài sản chung có hiệu lực</p>
	<p>Điều 669. Hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ, chồng</p>	<p>Quy định như dự thảo đã đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ chưa? Điều 669 quy định: trường hợp vợ chồng lập di chúc chung mà</p>

	<p><u>Trường hợp vợ, chồng lập di chúc chung mà có một người chết trước, thì chỉ phần di chúc liên quan đến phần di sản của người chết trong tài sản chung có hiệu lực pháp luật; nếu vợ, chồng có thoả thuận trong di chúc về thời điểm có hiệu lực của di chúc là thời điểm người sau cùng chết, thì di sản của vợ, chồng theo di chúc chung chỉ được phân chia từ thời điểm đó.</u></p>	<p>một bên chết trước thì chỉ phần di chúc liên quan đến phần di sản của người chết trong tài sản chung có hiệu lực pháp luật. Mặc dù điều 676 quy định hạn chế chia di sản: hoãn chia di sản nếu việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống bên vợ/ chồng và gia đình thì bên còn sống có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần di sản mà những người thừa kế được hưởng nhưng chưa chia...với quy định như vậy nhưng thực tế thì: có trường hợp bố chết, mẹ già, các con đã lập gia đình quay lại đòi chia di sản; trường hợp bố mất nhưng mẹ kế quản lý hết tài sản lấy lý do " ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nên nhất quyết đề nghị hoãn chia di sản mà theo Điều 669 thì không giới hạn thời gian hoãn</p>
<p>Về vấn đề thừa kế</p>	<p>Điều 670. Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc 1. Những người sau đây vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật, nếu di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó, trừ khi họ là những người từ chối nhận di sản theo quy định tại Điều 643 hoặc họ là những người không có quyền hưởng di sản theo quy định tại khoản 1 Điều 644 của Bộ luật này:</p> <p>a) Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng; b) Con đã thành niên mà không có khả năng lao động.</p>	<p>- Quy định này đã đảm bảo quyền lợi của con dâu và con rể khi chung sống cùng gia đình vợ/ chồng chưa? Vì sao? - Có nên bổ sung quy định con dâu và con rể thuộc diện thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc hay không?</p>
	<p>Điều 677. Người thừa kế theo pháp luật 1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:</p> <p>a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết; b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của</p>	<p>- Quy định này đã đảm bảo quyền lợi của con dâu và con rể khi chung sống cùng gia đình vợ/ chồng chưa? Vì sao? * <i>Gợi ý phân tích:</i> - VỀ phương diện thực tiễn : Quy định này chưa đề cập đến đối tượng trong quan hệ gia đình đó là con dâu và con rể. Có rất nhiều trường hợp con dâu và con rể chung sống với bố mẹ chồng hoặc bố mẹ vợ trong thời gian dài và đã có nhiều đóng</p>

	<p>người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;</p> <p>c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.</p>	<p>góp công sức để vun đắp, chăm sóc cho gia đình nhà chồng/vợ. Nhưng sự đóng góp này không tính được bằng vật chất, ngược lại tài sản giá trị nhất của gia đình thường là bất động sản thì lại đứng tên bố mẹ chồng/vợ và khi bố mẹ chồng/vợ mất đi không để lại di chúc thì những người này lại không hưởng thừa kế vì không thuộc hàng thừa kế theo pháp luật.</p> <p>- Về phương diện pháp lý : Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 80) quy định rất rõ quyền, nghĩa vụ của con dâu, con rể và cha mẹ vợ, cha mẹ chồng sống chung với nhau: <i>“các bên có quyền, nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau theo quy định tại các điều 69, 70, 71 và 72 của Luật này”</i>. Các điều 69, 70, 71, 72 là các quy định chung về các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ, của con, quyền và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục giữa cha mẹ và con. Như vậy, pháp luật đã công nhận mối quan hệ giữa con dâu, con rể và cha mẹ chồng/vợ sống chung với nhau như là mối con hệ cha mẹ và con thông thường.</p> <p>Để đảm bảo sự bình đẳng giữa các mối quan hệ trong gia đình, đảm bảo quyền lợi cho những người con dâu/rể sống chung với bố mẹ chồng/vợ trên cơ sở nuôi dưỡng lẫn nhau, đồng thời để đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống pháp luật về mối quan hệ giữa cha mẹ và các con thì <i>có nên xem xét quy định bổ sung con dâu/rể sống chung cùng bố mẹ chồng/vợ vào hàng thừa kế thứ nhất hay không ?</i></p>
--	---	--